

THỐNG KÊ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN NĂM HỌC 2018-2019
Khoa: Cơ khí

S TT	LỚP	SĨ SỐ		KẾT QUẢ RÈN LUYỆN										GHI CHÚ (Không xếp loại)
		TỔNG	NỮ	Xuất sắc		Tốt		Khá		Trung Bình		Yếu		
				SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
Cao đẳng														
Ngành: Cơ điện														
1	16CĐ-CĐ1	14		0	0,00	0	0,00	3	21,43	10	71,43	1	7,14	
CỘNG 01 Lớp		14	0	0	0,00	0	0,00	3	21,43	10	71,43	1	7,14	
Ngành: Cơ điện tử														
1	16CĐ-CĐT1	11		0	0,00	0	0,00	2	18,18	9	81,82	0	0,00	
CỘNG 01 Lớp		11	0	0	0,00	0	0,00	2	18,18	9	81,82	0	0,00	
Ngành: Kỹ thuật Bảo trì và sửa chữa máy CNC														
1	16CĐ-CNC1	16		0	0,00	0	0,00	2	12,50	14	87,50	0	0,00	
CỘNG 01 Lớp		16	0	0	0,00	0	0,00	2	12,50	14	87,50	0	0,00	
Ngành: Bảo trì hệ thống thiết bị công nghiệp														
1	17C1-BCN1	24		2	8,33	1	4,17	3	12,50	17	70,83	1	4,17	
2	18C1-BCN1	21		0	0,00	0	0,00	1	4,76	20	95,24	0	0,00	
CỘNG 02 Lớp		45	0	2	4,44	1	2,22	4	8,89	37	82,22	1	2,22	
Ngành: Cắt gọt kim loại														
1	17C1-CKL1	10		0	0,00	0	0,00	3	30,00	7	70,00	0	0,00	
2	18C1-CKL1	23		0	0,00	0	0,00	2	8,70	21	91,30	0	0,00	
CỘNG 02 Lớp		33	0	0	0,00	0	0,00	5	15,15	28	84,85	0	0,00	
Ngành: Công nghệ kỹ thuật cơ khí														
1	17C1-CCK1	40	1	0	0,00	0	0,00	9	22,50	30	75,00	1	2,50	
2	17C1-CCK2	40		0	0,00	1	2,50	2	5,00	37	92,50	0	0,00	
3	17C1-CCK3	39		0	0,00	1	2,56	12	30,77	26	66,67	0	0,00	
4	17C1-CCK4	50	2	0	0,00	3	6,00	15	30,00	30	60,00	2	4,00	

S TT	LỚP	SỐ SỐ		KẾT QUẢ RÈN LUYỆN										GHI CHÚ (Không xếp loại)
		TỔNG	NỮ	Xuất sắc		Tốt		Khá		Trung Bình		Yếu		
				SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
5	17C1-CCK5	30		0	0,00	1	3,33	1	3,33	27	90,00	1	3,33	
6	17C1-CCK6	37		0	0,00	1	2,70	3	8,11	29	78,38	4	10,81	
7	17C1-CCK7	43		0	0,00	1	2,33	4	9,30	36	83,72	2	4,65	
8	17C1-CCK8	31		0	0,00	0	0,00	4	12,90	26	83,87	1	3,23	
9	18C1-CCK1	49		0	0,00	7	14,29	6	12,24	36	73,47	0	0,00	
10	18C1-CCK2	47		0	0,00	0	0,00	3	6,38	44	93,62	0	0,00	
11	18C1-CCK3	47		0	0,00	0	0,00	5	10,64	36	76,60	6	12,77	
12	18C1-CCK4	42	1	0	0,00	1	2,38	4	9,52	33	78,57	4	9,52	
13	18C1-CCK5	47		0	0,00	3	6,38	7	14,89	36	76,60	1	2,13	
14	18C1-CCK6	35		1	2,86	1	2,86	9	25,71	24	68,57	0	0,00	
15	18C1-CCK7	46		0	0,00	1	2,17	6	13,04	39	84,78	0	0,00	
16	18C1-CCK8	40		0	0,00	0	0,00	3	7,50	32	80,00	5	12,50	
17	18C1-CCK9	37		0	0,00	1	2,70	2	5,41	33	89,19	1	2,70	
18	18C2-CCK1	16		0	0,00	0	0,00	3	18,75	11	68,75	2	12,50	Chưa đánh giá
CỘNG 18 Lớp		716	4	1	0,14	22	3,07	98	13,69	565	78,91	30	4,19	
Ngành: Công nghệ chế tạo máy														
1	16CĐ-CTM1	44		0	0,00	0	0,00	3	6,82	41	93,18	0	0,00	
2	16CĐ-CTM2	34		0	0,00	0	0,00	1	2,94	33	97,06	0	0,00	
3	16CĐ-CTM3	39		1	2,56	4	10,26	7	17,95	26	66,67	1	2,56	01 BLKQ
4	16CĐ-CTM4	51		1	1,96	1	1,96	4	7,84	45	88,24	0	0,00	
5	16CĐ-CTM5	40	1	0	0,00	4	10,00	8	20,00	26	65,00	2	5,00	
6	17C1-CTM1	37		3	8,11	3	8,11	2	5,41	29	78,38	0	0,00	
7	17C1-CTM2	36		0	0,00	0	0,00	2	5,56	34	94,44	0	0,00	
8	18C1-CTM1	40		0	0,00	4	10,00	2	5,00	30	75,00	4	10,00	
9	18C1-CTM2	18	1	0	0,00	1	5,56	5	27,78	11	61,11	1	5,56	
CỘNG 09 Lớp		339	2	5	1,47	17	5,01	34	10,03	275	81,12	8	2,36	
Trung cấp														
Ngành: Cắt gọt kim loại														
1	16TCN-CKL	29		0	0,00	1	3,45	5	17,24	23	79,31	0	0,00	
2	17T4-CKL1	14		0	0,00	0	0,00	0	0,00	11	78,57	3	21,43	
CỘNG 02 IỚP		43	0	0	0,00	1	2,33	5	11,63	34	79,07	3	6,98	

S TT	LỚP	SĨ SỐ		KẾT QUẢ RÈN LUYỆN										GHI CHÚ (Không xếp loại)
		TỔNG	NỮ	Xuất sắc		Tốt		Khá		Trung Bình		Yếu		
				SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
Ngành: Cơ khí chế tạo														
1	18T4-CKC1	31		0	0,00	0	0,00	2	6,45	22	70,97	7	22,58	
CỘNG 01 LỚP		31	0	0	0,00	0	0,00	2	6,45	22	70,97	7	22,58	
Ngành: Công nghệ kỹ thuật cơ khí														
1	17T4-CCK1	28		0	0,00	0	0,00	0	0,00	23	82,14	5	17,86	
2	17T4-CCK2	30		0	0,00	0	0,00	3	10,00	27	90,00	0	0,00	
3	18T4-CCK1	30		0	0,00	0	0,00	2	6,67	21	70,00	7	23,33	
4	18T4-CCK2	30		1	3,33	2	6,67	4	13,33	22	73,33	1	3,33	
CỘNG 04 LỚP		118	0	1	0,85	2	1,69	9	7,63	93	78,81	13	11,02	
TỔNG CỘNG (41 LỚP)		1335	6	9	0,67	43	3,22	162	12,13	1065	79,78	56	4,19	

P.TRƯỞNG PHÒNG CTCT - HSSV



Lê Xuân Thiện

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2019

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Đinh Hồng Minh

